

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)
Đối tượng đăng ký: Giảng viên; ☒ Giảng viên thỉnh giảng ☐
Ngành: Sinh học; Chuyên ngành: Di truyền học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Vì Thị Xuân Thủy
2. Ngày tháng năm sinh: 17/01/1984; Nam ☐ Nữ ☒ Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không
3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒
4. Quê quán: Xã Chiềng Ban, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 65, đường Nguyễn Thị Minh Khai, tổ 5, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
6. Địa chỉ liên hệ: Vì Thị Xuân Thủy, Trung tâm Thực hành – Thí nghiệm, Trường Đại học Tây Bắc
Điện thoại di động: 0983484171; E-mail: xuanthuy@utb.edu.vn
7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):
 - Từ 3/2008 đến 5/2017: Giảng viên Khoa Sinh - Hóa, Trường Đại học Tây Bắc
 - Từ 6/2017 đến nay: Giám đốc Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm, Trường Đại học Tây Bắc
 - Chức vụ hiện nay: Giám đốc Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm, Trường Đại học Tây Bắc;
 - Chức vụ cao nhất đã qua: Giám đốc Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm
 - Cơ quan công tác hiện nay: Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm, Trường Đại học Tây Bắc
 - Địa chỉ cơ quan: Tổ 2 phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.
 - Điện thoại cơ quan: 0212 3751700
8. Đã nghỉ hưu: Chưa
Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không
9. Trình độ đào tạo:
 - Được cấp bằng Đại học ngày 07 tháng 7 năm 2006; số văn bằng: C745601; ngành: Sinh - KTN; Nơi cấp Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, Việt Nam.

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 29 tháng 12 năm 2008; số văn bằng: 1840; ngành: Sinh học, chuyên ngành: Sinh học thực nghiệm; Nơi cấp Trường Đại học Thái Nguyên, Việt Nam.

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 07 tháng 9 năm 2017; số văn bằng: A0071; ngành: Sinh học, chuyên ngành: Di truyền học; Nơi Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa được bổ nhiệm/công nhận

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Sinh học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu

(1) Ứng dụng công nghệ sinh học trong nhân giống *in vitro* và cải thiện tính chống chịu của cây trồng;

(2) Nghiên cứu thành phần hóa học, phân lập chất và đánh giá hoạt tính sinh học của thực vật.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học

Hướng nghiên cứu 1: Ứng dụng công nghệ sinh học trong nhân giống *in vitro* và cải thiện khả năng chống chịu của cây trồng.

- Số lượng bài báo và báo cáo khoa học đã công bố: 31

- Các bài báo được thống kê theo số thứ tự trong mục 7.1: [1], [2], [3], [4], [5], [6], [7], [8], [9], [10], [11], [12], [13], [18], [20], [21], [22], [24], [30], [31], [32], [33], [34], [35], [36], [37], [38], [39], [40], [41], [42].

- Các bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế uy tín mà tôi là tác giả chính sau khi được cấp bằng tiến sĩ là: 01 bài thuộc danh mục SCIE; [18], thuộc Q2.

- Số sách đã xuất bản phục vụ đào tạo: 02 sách; [5.1], [5.2].

- Số học viên cao học hướng dẫn chính bảo vệ thành công luận văn và được cấp bằng thạc sĩ: 03; [4.1], [4.2], [4.3].

- Số đề tài khoa học được hỗ trợ: 03 đề tài; [6.1], [6.2], [6.3].

Hướng nghiên cứu 2: Nghiên cứu thành phần hóa học, phân lập chất và đánh giá hoạt tính sinh học của thực vật.

- Số lượng bài báo và báo cáo khoa học đã công bố: 11; gồm các bài kê trong mục 7.1: [14], [15], [16], [17], [19], [23], [25], [26], [27], [28], [29].

- Các bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế uy tín mà tôi là tác giả chính sau khi được cấp bằng tiến sĩ là: 03 bài thuộc danh mục SCIE; [14], [15], [16], thuộc Q3.

- Số đề tài khoa học được hỗ trợ: 01 đề tài; [6.4].

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Chiến sĩ thi đua Cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2022

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không có

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo

Tôi đã thực hiện tốt nhiệm vụ của giảng viên đại học theo quy định của Luật Giáo dục đại học, chế độ làm việc của giảng viên và các văn bản pháp luật có liên quan. Thực hiện biên soạn sách phục vụ đào tạo, hướng dẫn luận văn thạc sĩ, đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên, đồng thời thực hiện tốt các nhiệm vụ chuyên môn khác. Thực hiện nghiên cứu khoa học công nghệ phục vụ và nâng cao chất lượng đào tạo. Rèn luyện đạo đức, tác phong khoa học, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Hợp tác tốt với đồng nghiệp trong chuyên môn, tham gia các hoạt động tư vấn khoa học.

Tôi tự nhận thấy mình có đầy đủ các tiêu chuẩn của một nhà giáo: Là một người giảng viên có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt, tôi luôn chấp hành chủ trương đường lối, nghị quyết chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; Tự giác học tập không ngừng nâng cao kiến thức về lý luận chính trị và chuyên môn nghiệp vụ; Đạt trình độ chuẩn được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ; Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; Lý lịch bản thân rõ ràng.

Từ khi công tác tại Trường Đại Tây Bắc đến nay, tôi đã luôn hoàn thành chức trách và nhiệm vụ được giao: Thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy, tham gia công tác nghiên cứu khoa học, hàng năm đều vượt giờ chuẩn giảng dạy và giờ chuẩn nghiên cứu khoa học; Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học và hướng dẫn luận văn thạc sĩ; Giữ gìn đoàn kết nội bộ, tôn trọng và hợp tác chia sẻ với đồng nghiệp, gương mẫu thực hiện tốt nội quy của Nhà trường và nơi cư trú; Luôn ý thức giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; Đối xử công bằng với người học, tôn trọng và bảo vệ các quyền lợi chính đáng của người học; Không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy, nêu gương tốt cho người học; Gương mẫu trong các hoạt động của Trường, nhiệt tình và có trách nhiệm trong công việc.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên

- Công tác tại Trường Đại học Tây Bắc từ tháng 3/2008 cho đến nay, với tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 17 năm

- Tổng số giờ giảng dạy trong 06 năm học gần đây, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ cụ thể như trong bảng dưới:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2019-2020	0	0	0	0	60	0	60/71,125/67,5 *
2	2020-2021	0	0	01	0	30	30	60/124/67,5*
3	2021-2022	0	0	01	0	60	0	60/133,45/67,5*
03 năm học cuối								
4	2022-2023	0	0	01	0	60	0	60/99,225/67,5*
5	2023-2024	0	0	0	0	60	0	60/85,35/67,5*
6	2024-2025	0	0	0	0	90	0	90/122,775 /67,5*

*Ghi chú: * Giờ chuẩn theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên của Trường Đại học Tây Bắc: Quyết định số 1099/QĐ-ĐHTB ngày 23 tháng 10 năm 2019 Ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên Trường Đại học Tây Bắc; Quyết định số 818/QĐ-ĐHTB ngày 09 tháng 9 năm 2020 Ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên Trường Đại học Tây Bắc; Quyết định số 199/QĐ-ĐHTB ngày 22 tháng 3 năm 2022 Ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên, giáo viên Trường Đại học Tây Bắc.*

3. Ngoại ngữ

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: Không

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: Không

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: Không

d) Đối tượng khác; ☒ Diễn giải:

- Đọc hiểu được bài báo và các tài liệu chuyên môn; viết được các bài báo chuyên môn; trình bày, thảo luận (nghe, nói) chuyên môn bằng ngoại ngữ;

- Đạt trình độ ngoại ngữ bậc 4 theo quy định Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ Tiếng Anh bậc 4 (Tương đương cấp B2 Khung tham chiếu Châu Âu) do Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh cấp ngày 15 tháng 9 năm 2016.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS/ HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
4.1	Phayvong Duangngeun		x	x		12/2019-11/2020	Trường Đại học Tây Bắc	Số 1432/QĐ-ĐHTB, ngày 31/12/2020 về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng trình độ thạc sĩ năm 2020
4.2	Chanthaphone Norlongkor		x	x		02/2021-11/2021	Trường Đại học Tây Bắc	Số 1416/QĐ-ĐHTB, ngày 31/12/2021 về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng trình độ thạc sĩ năm 2021
4.3	Bounpheng Chanthanasak		x	x		01/2022-11/2022	Trường Đại học Tây Bắc	Số 1487/QĐ-ĐHTB, ngày 29/12/2022 về việc công nhận

								tốt nghiệp và cấp bằng trình độ thạc sĩ năm 2022
--	--	--	--	--	--	--	--	--

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
1							
II	Sau khi được công nhận TS						
5.1	CÔNG NGHỆ SINH HỌC (Nguyên lý và ứng dụng nâng cao khả năng kháng một ở ngô)	TK	Đại học Quốc gia Hà Nội/ 2020	01	Chủ biên	9-151	QĐ số 958/QĐ-ĐHTB, ngày 26/8/2022 Về việc phê duyệt Danh mục tài liệu giảng dạy, giáo trình giáo dục đại học sử dụng trong công tác đào tạo của Trường Đại học Tây Bắc
5.2	CÔNG NGHỆ SINH HỌC (Nguyên lý và ứng dụng nâng cao khả năng kháng virus ở đậu tương)	TK	Đại học Quốc gia Hà Nội/ 2020	02	Đồng chủ biên	31-47; 71-83; 118-133	

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, CN/PCN/TK, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1					
II	Sau khi được công nhận TS				
6.1	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ nhân giống <i>in vitro</i> và hoàn thiện quy trình canh tác giống khoai sọ Cụ Cang tại Sơn La	Chủ nhiệm	Mã số: CT.2019.06.02 Bộ Giáo dục và Đào tạo	2019-2021	Nghiệm thu ngày 24/12/2021 Xếp loại: Đạt
6.2	Nghiên cứu một số chỉ tiêu đánh giá chất lượng hạt của một số mẫu	Chủ nhiệm	Mã số: TB2020-54 Trường Đại học Tây Bắc	2020	Nghiệm thu ngày 16/10/2020 Xếp loại: Xuất sắc

	giống lúa cạn thu thập ở Sơn La				
6.3	Nghiên cứu nhân giống <i>in vitro</i> lan Phi điệp tím (<i>Dendrobium anosmum</i> Lindl.) từ thân	Chủ nhiệm	Mã số: TB 2021 -41 Trường Đại học Tây Bắc	2021-2022	Nghiệm thu ngày 07/6/2022 Xếp loại: Xuất sắc
6.4	Nghiên cứu đặc điểm hình thái và hoạt tính sinh học của một số loài thực vật làm thuốc ở Tây Bắc	Thành viên chính	Mã số: TB2023-36 Trường Đại học Tây Bắc	2023-2024	Nghiệm thu ngày 19/7/2024 Xếp loại: Xuất sắc

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

Ghi chú: (x): Là tác giả chính hoặc tác giả liên hệ; (x*): Là tác giả chính và tác giả liên hệ.

TT	Tên bài báo/báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (trừ tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
I	Trước khi được công nhận học vị tiến sĩ							
	Bài báo xuất bản trên tạp chí thuộc danh mục ISI/Scopus							
1.	RNAi-mediated resistance to SMV and BYMV in transgenic tobacco	6		Crop Breeding and Applied Biotechnology/ ISSN 1 1518-7853/ https://doi.org/10.1590/1984-70332016v16n3a32	SCIE, Q2, IF 1,3	9	16 (3), pp: 213-218	2016
2.	Expression of <i>ZmDEF1</i> gene and experiment the alpha-amylase inhibitory activity from maize weevils of recombinant defensin	5	x	Turk J Biol/ E-ISSN:1303-6092, ISSN: 1300-0152/ https://doi.org/10.3906/biy-1512-64	SCIE, Q2/ IF 0,651	9	41, pp: 98-104	2017
	Bài báo xuất bản trên tạp chí quốc gia							

3.	Nghiên cứu khả năng chịu hạn ở giai đoạn mạ của 5 giống lúa cạn Sơn La	2	x*	Tạp chí Khoa học và Công nghệ ĐH Thái Nguyên/ ISSN 1859- 2171			2(46), tr: 70-74	2008
4.	Sự đa dạng trong trình tự gen <i>GmDREB5</i> của một số giống đậu tương địa phương Việt Nam	4		Tạp chí Khoa học và Công nghệ ĐH Thái Nguyên, ISSN 1859- 2171			97 (9), tr: 41-47	2012
5.	Đặc điểm trình tự nucleotide của <i>gen cystatin II</i> phân lập từ mRNA của hai mẫu ngô địa phương Sơn La và Hà Giang	4	x*	Tạp chí Khoa học và Công nghệ ĐH Thái Nguyên, ISSN 1859- 2171			119 (5), tr: 101-106	2014
6.	Tách dòng <i>gen cystatin II</i> phân lập từ một số mẫu ngô địa phương Việt Nam	5	x	Tạp chí Sinh học, ISSN 0866- 7160			36(1), tr: 110-117	2014
7.	Nghiên cứu đặc điểm của gen <i>defensin1</i> phân lập từ mẫu ngô địa phương Lào Cai phục vụ chuyển gen nhằm cải thiện khả năng kháng một của ngô	3		Tạp chí Khoa học và Công nghệ ĐH Thái Nguyên, ISSN 1859- 2171			131(01), tr: 83 - 88.	2015
8.	Đặc điểm phân tử của gen <i>defensin 1</i> phân lập từ một số mẫu ngô có khả năng kháng một khác nhau	5	x*	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam, ISSN 1859- 4794			2(9), tr: 38-43	2015
9.	Nghiên cứu đặc điểm gen <i>defensin1</i> và thiết kế cấu trúc phục vụ tạo dòng ngô chuyển gen	6	x	Tạp chí Công nghệ Sinh học Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam, ISSN			14(2), tr: 279-286	2016

	kháng mọt			1811- 4989				
10.	Đánh giá một số chỉ tiêu liên quan đến khả năng kháng mọt của một số mẫu ngô địa phương thu thập tại Sơn La	5	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam, ISSN 1859- 4794			15 (4), tr: 38-42	2017
11. 1	Chuyển gen <i>ZmDEF1</i> nhờ <i>Agrobacterium tumefaciens</i> vào giống thuốc lá (<i>Nicotiana tabacum</i> L.) C9-1	4	x*	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam, ISSN 1859- 4794			19(8), tr: 39-42.	2017
12.	Chuyển gen <i>ZmDEF1</i> vào giống ngô địa phương Si ma cai thông qua <i>Agrobacterium tumefaciens</i>	5		Tạp chí Khoa học và Công nghệ ĐH Thái Nguyên, ISSN 1859- 2171.			168(08), tr: 155 – 159	2017
	Bài báo xuất bản trên hội nghị quốc gia							
13.	Chuyển gen <i>gus</i> qua phôi ngô non ở giống ngô LVN99 nhờ <i>A. Tumefaciens</i>	4	x	Hội nghị khoa học quốc gia lần thứ 2, nhà xuất bản Đại học Quốc Gia Hà Nội			tr. 1263-1270	2016
II	Sau khi được công nhận học vị tiến sĩ							
	Bài báo xuất bản trên tạp chí thuộc danh mục ISI/Scopus							
14.	A new furostanol glycoside from <i>Dracaena cambodiana</i> ,	5	x	Chemistry of Natural Compounds, ISSN: 0009-3130, https://doi.org/10.1007/s10600-024-04523-z	SCIE Q3, IF (2024): 0.8		60(6) pp: 1077-1079	2024
15.	A new oleanane-type triterpene glycoside from <i>Nephelium lappaceum</i>	5	x	Chemistry of Natural Compounds, ISSN: 0009-3130, https://doi.org/10.1007/s10600-024-04406-3	SCIE Q3, IF (2024): 0.8	1	60(4), pp: 653-656.	2024

16.	A new oleanane triterpenoid saponin from <i>Dimocarpus longan</i>	6	x	Chemistry of Natural Compounds, ISSN: 0009-3130, https://doi.org/10.1007/s10600-024-04303-9	SCIE Q3, IF (2024): 0.8	2	60(2), pp: 283-286.	2024
17.	Dataset on ITS and some chloroplast DNA regions of <i>Boehmeria holosericea</i> Blume in Vietnam	9		Data in Brief, https://doi.org/10.1016/j.dib.2024.111193	Scopus Q3, IF (2023): 1.0		57 (2024), 111193	2024
18.	Overexpression of the <i>ZmDEF1</i> gene increases the resistance to weevil larvae in transgenic maize seeds	8	x	Molecular Biology Reports, ISSN 0301- 4851, doi: 10.1007/s11033-019-04670-5.	SCIE, Q2, IF (2020) 2.316		46, pp: 2177–2185	2019
Bài báo xuất bản trên tạp chí quốc tế								
19.	Antibacterial, Antioxidant and Anti - Cancerous Activities of <i>Adiandra megaphylla</i> Hu Leaf Extracts	7		Biosc.Biotech.Res. Comm. ISSN: 0974-6455; http://dx.doi.org/10.21786/bbrc/13.3/5	QT		13 (3), pp: 1015-1020.	2020
Bài báo xuất bản trên tạp chí quốc gia								
20.	Nghiên cứu khả năng chịu hạn của một số giống lạc (<i>Arachis hypogaea</i>) địa phương ở giai đoạn cây con phục vụ chọn, tạo giống	2	x*	TNU Journal of Science and Technology; ISSN 2374-9098; e-ISSN 2615-9562			230(09 tr: 417 – 423.	2025
21.	Nghiên cứu hệ thống tái sinh <i>in vitro</i> phục vụ chuyển gene ở giống lạc L27 (<i>Arachis hypogaea</i> L.)	2	x*	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam; p-ISSN 1859-4794, e-ISSN 2615-9929			DOI: 10.31276/VJS T.2025-3268	2025
22.	Đặc điểm của cấu trúc được thiết kế từ	4	x*	TNU Journal of Science and			230(09 tr: 49 –	2025

	gene <i>AhDRED</i> của cây lạc và vector biểu hiện pBI121 chứa promoter CaMV 35S			Technology; ISSN 2374-9098; e-ISSN 2615-9562			57	
23.	Thành phần hóa học, hoạt tính sinh học của cao ethanol từ cây Gai toàn tơ (<i>Boehmeria holosericea</i> Blume)	3	x*	TNU Journal of Science and Technology; ISSN 2374-9098; e-ISSN 2615-9562			230(05), tr: 301 – 308.	2025
24.	Khảo sát năng suất, chất lượng hạt, khả năng đâm xuyên của rễ ở giai đoạn mầm của một số giống lạc (<i>Arachis hypogaea</i> L.) địa phương khu vực Tây Bắc	3	x*	Journal of Science Tay Bac University, ISSN: 2354 -1091.			37, tr: 110-115.	2025
25.	Thành phần hóa học và hoạt tính sinh học của cao chiết ethanol từ quả sa nhân xanh (<i>Amomum xanthioides</i> Baker) thu hái tại Sơn La	3	x*	Journal of Science Tay Bac University, ISSN: 2354 -1091			37, tr: 9-15	2025
26.	Xác định hàm lượng polyphenol tổng trong một số mẫu thực vật thu hái tại Sơn La bằng phổ UV-VIS	4		Journal of Science Tay Bac University, ISSN: 2354 -1091			37, tr: 50-56	2025
27.	Tri thức bản địa, thành phần hợp chất, hoạt tính sinh học của cao ethanol từ cây Đề gia vảy (<i>Debregeasia squamata</i>)	5	x*	TNU Journal of Science and Technology; ISSN 2374-9098; e-ISSN 2615-9562			229 (09), tr: 451 – 458.	2024
28.	Hoạt tính kháng khuẩn, chống oxy hóa, gây độc tế	5	x*	TNU Journal of Science and Technology; ISSN			229(05), tr: 427 – 434.	2024

	bào ung thư cao ethanol của bài thuốc Kham cầm sơn tràng chữa viêm đại tràng			2374-9098; e-ISSN 2615-9562				
29.	Ảnh hưởng của kích thích trà đến hoạt tính kháng khuẩn, chống oxy hóa, gây độc tế bào ung thư của nước trà xanh	5	x*	TNU Journal of Science and Technology; ISSN 2374-9098; e-ISSN 2615-9562			229 (05), tr: 315 – 322.	2024
30.	Nhân giống lan huệ (<i>Hippeastrum</i> sp.) hoa cánh kép bằng phương pháp chẻ củ	2	x*	TNU Journal of Science and Technology; (ISSN 2374-9098; e-ISSN 2615-9562)			228 (05), tr: 385-392.	2023
31.	Ảnh hưởng của phân lân đến hàm lượng dầu gạo của mẫu giống lúa địa phương thu thập ở tỉnh Sơn La (Việt Nam) và Luongnamtha (Lào)	2	x*	TNU Journal of Science and Technology; ISSN 2374-9098; e-ISSN 2615-9562			228 (05), tr: 161-168.	2023
32.	Đặc điểm hình thái, trình tự nucleotide vùng <i>ITS</i> và đoạn trình tự <i>rbcL</i> của khoai sọ bản địa Cụ Cang	3	x*	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam; ISSN 1859-4794, e-ISSN 2615-9929			65 (8), tr: 11-14.	2023
33.	Tương quan giữa chiều rộng ngang đầu với tuổi ấu trùng của một ngô <i>Sitophilus zeamais</i> (Coleoptera: Curculionidae) và một số đặc điểm hình thái các pha phát triển của chúng	3	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam; ISSN 1859-4794, e-ISSN 2615-9929			65 (1), tr: 16-19.	2023
34.	Nghiên cứu quy trình nhân giống <i>in vitro</i> lan Phi điệp tím (<i>Dendrobium anosmum</i> Lindl.) từ	6	x*	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Tây Bắc; ISSN 2354-1091			26, tr: 48-56.	2022

	mắt ngủ ở thân							
35.	Nghiên cứu nhân giống <i>in vitro</i> lan Hoàng thảo đơn cam (<i>Dendrobium Unicum Seidenf.</i>)	6	x*	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Tây Bắc; ISSN 2354-1091			24, tr: 34-42	2021
36.	Nghiên cứu biện pháp kỹ thuật sản xuất của giống từ cây <i>in vitro</i> khoai sọ Cù Cang (<i>Colocasia esculenta</i> (L) Schott) tại Sơn La	2		Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn, ISSN 1859-4581, e-ISSN 2815-6153			2, tr: 66-70.	2021
37.	Đánh giá chất lượng hạt của một số mẫu giống lúa cận địa phương thu thập ở tỉnh Sơn La	6	x*	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Tây Bắc; ISSN 2354-1091			22 (2021), tr: 15-23.	2021
38.	Nghiên cứu lưu giữ <i>in vitro</i> nguồn gen khoai môn sọ bản địa <i>Colocasia esculenta</i> (L.) Schott	5	x*	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam; ISSN 1859-4794, e-ISSN 2615-9929			62(12), tr. 56-60.	2020
39.	Nghiên cứu nhân giống <i>in vitro</i> khoai sọ cù cang (<i>Colocasia esculenta</i> L. Schott), huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La	6	x*	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Tây Bắc; ISSN 2354-1091			20 (2020), tr: 8-15	2020
40.	Đánh giá khả năng chịu hạn ở giai đoạn nảy mầm của một số mẫu giống lúa cận địa phương thu thập tại tỉnh Sơn La	3	x*	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam; ISSN 1859-4794			62(2), tr. 35-39.	2020
41.	Thiết kế vector chuyển gen thực vật mang gen mã hóa protein DREB7 của cây đậu tương	5		Tạp chí Khoa học và Công nghệ ĐHTH Thái Nguyên, ISSN 2374-9098			202(09), tr:159-165	2019

Bài báo xuất bản trên hội nghị quốc gia								
42.	Tạo cấu trúc biểu hiện gene <i>GmDREB5</i> liên quan tới chống chịu điều kiện bất lợi ở cây đậu tương [<i>Glycine max</i> (L.) Merr.]	9		Kỷ yếu Hội nghị Sinh lý thực vật Toàn quốc lần thứ 3 – 2025, Nxb Khoa học tự nhiên và công nghệ,			tr: 135-143.	2025

Trong đó có 04 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà tôi là tác giả chính sau nhận học vị tiến sĩ: [14], [15], [16], [18].

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao): Không

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế: Không

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*: Không

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Sơn La, ngày 16 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

Vi Thị Xuân Thủy